Em hãy ghép nối từng thuật ngữ về tạo nội dung từ danh sách bên phải với định nghĩa tương ứng bên trái.

(1) Tóm tắt (các) ý chính trong nội dung.	Đoạn văn (Paragraph)
(2) Một chuỗi các câu nói về một luận điểm hoặc chủ đề cụ thể.	Tiêu đề (Title)
(3) Tính năng cho phép người dùng căn đều từng dòng văn bản.	Căn lề (Alignment)

Với mỗi câu phát biểu về quy tắc chọn hình ảnh phù hợp trong tài liệu và bài trình chiếu, hãy chọn Đúng (True) hoặc Sai (False).

1. Hình ảnh nên bị vỡ nét.	True	False
2. Hình ảnh nên liên quan đến chủ đề.	True	False
3. Hình ảnh nên có hình mờ (Watermark).	True	False

Ở mỗi tình huống em cần tạo danh sách, hãy chọn xem em nên tạo dưới dạng danh sách đánh số hay danh sách có ký hiệu đầu dòng?

(1)	Choose	Danh sách những món đồ ăn nhẹ bạn yêu thích.
(2)	Choose	Danh sánh hướng dẫn cách nướng bánh quy.
(3)	Choose	Danh sách các bước lắp ráp một món đồ chơi mới.
(4)	Choose	Danh sách các món đồ bạn cần xếp vào hành lý để đi chơi.

Với mỗi câu phát biểu về nội dung trực tuyến, hãy chọn Có nếu nội dung đó nhằm mục đích giải trí hoặc Không nếu không phải.

(1)	Choose	Tiểu thuyết điện tử
(2)	Choose	Hướng dẫn sử dụng
(3)	Choose	Meme
(4)	Choose	Lời chứng thực [Testimonial]

LIVEWORKSHEETS

Em hãy ghép nối từng thuật ngữ từ danh sách bên phải với định nghĩa tương ứng bên trái.

(1) Kiểm soát cách hiển thị và hướng của một mục, ví dụ như đoạn văn hoặc hình ảnh.	Danh sách (List)
(2) Một từ, cụm từ hoặc câu tóm tắt nội dung sẽ trình bày ở phần tiếp theo.	Căn lề (Alignment)
(3) Một chuỗi các mục có ký hiệu hoặc số ở đầu dòng.	Đề mục (Heading)
(4) Một chuỗi các câu đều liên quan đến một chủ đề duy nhất.	Đoạn văn (Paragraph)

Với mỗi câu phát biểu về cách thức định dạng tài liệu, hãy chọn Đúng (True) hoặc Sai (False).

1. Tiêu đề tài liệu nên được đặt ở đầu trang.	True	False
2. Việc định dạng văn bản như in đậm, in nghiêng, màu chữ và kích cỡ to nhỏ, có thể giúp xác định thứ tự tầm quan trọng cho các phần khác nhau ở tài liệu.	True	False
3. Dùng kích cỡ phông chữ khác nhau cho từng đoạn văn giúp dễ đọc và hiểu những phần quan trọng nhất của tài liệu.	True	False

Em hãy ghép nối từng thuật ngữ từ danh sách bên phải với định nghĩa tương ứng bên trái.

(1) Một trang đơn lẻ của một bài trình chiếu.	Trang chiếu (Slide)
(2) Một tài liệu có thể hiển thị bằng trình duyệt.	Căn lề (Alignment)
(3) Một đoạn mô tả ngắn về trang Web, xuất hiện ở phía trên đầu cửa sổ trình duyệt.	Tiêu đề (Title)
(4) Cách sắp xếp hoặc đặt vị trí văn bản.	Trang (Page)

LIVEWORKSHEETS

Với mỗi câu phát biểu về cách sử dụng hình ảnh phù hợp trong tài liệu và bài trình chiếu, hãy chọn Đúng (True) hoặc Sai (False).

1. Hình ảnh nên phù hợp với đối tượng khán giả.	True	False
2. Hình ảnh nên đặt gần những nội dung văn bản phù hợp nhất.	True	False
3. Hình ảnh nên hài hước và không cần liên quan đến chủ đề.	True	False

Với mỗi câu phát biểu về các loại danh sách khác nhau, hãy chọn Đúng (True) hoặc Sai (False).

1. Nên dùng danh sách đánh số đầu dòng khi thứ tự các mục đóng vai trò quan trọng.	True	False
2. Danh sách đánh số đầu dòng dùng để biểu thị các bước trong một quy trình.	True	False
3. Danh sách có ký hiệu đầu dòng dùng để chỉ ra các ý chính trong văn bản.	True	False
4. Nên dùng danh sách có ký hiệu đầu dòng khi thứ tự các mục đóng vai trò quan trọng.	True	False

Em hãy chọn Đúng (True) nếu là cách thay đổi độ rộng cột trong Excel và chọn Sai (False) nếu không phải.

1. Nhấp chuột một lần (Single Click) lên ranh giới cột	True	False
2. Nhấp đúp chuột (Double Click) lên ranh giới cột	True	False
3. Nhấp (Click) và kéo (Drag) chuột lên ranh giới cột	True	False
4. Sử dụng tổ hợp phím Ctrl+Shift+R	True	False

Em hãy chọn Đúng (True) nếu tùy chọn có thể được thực hiện trong thẻ Animations của PowerPoint và chọn Sai (False) nếu không phải.

1. Thay đổi thời gian khi phát hiệu ứng hoạt hình (Animations).	True	False
2. Tạo tùy chỉnh hiệu ứng hoạt hình (Animations) từ các tập tin (Files) trên máy tính.	True	False
3. Nhập hiệu ứng hoạt hình từ các chương trình khác.	True	False
4. Thay đổi thứ tự của các hiệu ứng hoạt hình phát đầu tiên trên một Slide.	True	False

LIVEWORKSHEETS

Với mỗi câu phát biểu, hãy chọn Đúng (True) hoặc Sai (False).

1. Mục đích của Video hài hước là để cung cấp thông tin. ○ True ○ False
2. Mục đích của việc gửi Email là để giao tiếp. ○ True ○ False
3. Mục đích của các bài báo tin tức trên mạng là để giải trí. ○ True ○ False

Bạn hãy ghép nối từng ví dụ về nội dung trực tuyến từ danh sách bên phải sang mục đích tương ứng bên trái.

(1) Giải trí	Trang hướng dẫn
(2) Cung cấp thông tin	Trò chơi trực tuyến
(3) Giao tiếp	Phần mềm/ứng dụng nhắn tin tức thời (Instant Message)

Với mỗi câu phát biểu về việc giao tiếp, hãy chọn Đúng (True) hoặc Sai (False).

1. Đồng cảm là khả năng thấu hiểu và chia sẻ cảm xúc với người khác. ○ True ○ False
2. Phép xã giao trên môi trường số là quy tắc ứng xử đúng đắn trên Internet. ○ True ○ False
3. Tôn trọng là khi bạn mong một việc gì đó xảy ra hai lần. ○ True ○ False

Hoàn thành các câu dưới đây bằng cách lựa chọn đúng tùy chọn từ mỗi danh sách thả xuống.

(1) Choose ∨ Đối xử với người khác theo cách bạn muốn được đối xử là một ví dụ về cách giao tiếp.

(2) Choose ∨ Tôn trọng quyền riêng tư của người khác là một ví dụ về cách giao tiếp.

(3) Choose ∨ Dùng lời lẽ thô lỗ hoặc không thích hợp là một ví dụ về cách giao tiếp.

LIVEWORKSHEETS

Bạn hãy ghép nối từng loại giao tiếp từ danh sách bên phải sang ví dụ phù hợp bên trái.

(1) Gửi bài tập đã hoàn thành với nhiều tài liệu đính kèm cho giáo viên.	Trò chuyện bằng Video
(2) Dùng điện thoại di động để cho ai đó biết là bạn sẽ đến muộn so với giờ đã hẹn.	Email
(3) Giao tiếp trực diện với những người dùng Internet khác thông qua việc sử dụng Webcam.	Tin nhắn văn bản
(4) Trò chuyện (Chat) với bạn bè khi đang chơi điện tử.	Nhắn tin trong ứng dụng

Với mỗi câu phát biểu về phép xã giao thích hợp trên mạng, hãy chọn Đúng (True) hoặc Sai (False).

1. Rất dễ nhận ra và hiểu được cảm xúc qua tin nhắn kỹ thuật số.	True	False
2. Viết toàn chữ IN HOA khi nhắn tin chỉ ra rằng người đó có cách giao tiếp đúng đắn và thái độ hào hứng.	True	False
3. Nhắn tin ngắn gọn và rõ ràng giúp người nhận hiểu được ý định của bạn.	True	False

Với mỗi ví dụ, hãy chọn Có nếu đó là ví dụ về kỹ năng hành xử đúng mực hoặc Không nếu không phải.

(1) Choose ∨ Một người bạn rất biết lắng nghe và cố gắng thấu hiểu cảm xúc của người khác.

(2) Choose ∨ Một thầy/cô không trả lời Email sau vài tháng.

(3) Choose ∨ Một học sinh cư xử tốt bụng với mọi người khi ở trước mặt, nhưng nói những điều sai sự thật và làm người khác tổn thương trên mạng.

LIVEWORKSHEETS